

Số: /QĐ-TTBTCTXH

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM BẢO TRỢ VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 2679/QĐ-SYT ngày 29/12/2025 của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; về việc giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Thái Nguyên.

(theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Các ông, (bà) Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Kế toán trưởng và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Sở Y tế (Báo cáo);
- Website TTBTCTXH
- Lưu: VT, KT, HC-TH.

Nguy Quang Vinh

Đơn vị: Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Thái Nguyên
Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTBTCTXH ngày 31/ 12 /2025 của Trung tâm
Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Thái Nguyên)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.732
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.732
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi bảo đảm xã hội	12.732
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên tự chủ	8.316
	Tiền lương và các khoản đóng góp	7.164
	Chi khác thường xuyên theo định mức	1.152
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên không thực hiện tự chủ	4.416
	Chi lương và các khoản đóng góp theo lương của Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/ NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	303
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	370
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo xã hội	3.743
	Tiền trực của viên chức, người lao động	64
	Chi nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ	2.679
	Hỗ trợ hoạt động bảo trợ xã hội và công tác xã hội	1.000